

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026 /HS - ST
Ngày 28/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Tuấn; 2. Ông Lê Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2026/TLST - HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1006/2026/QĐXXST-HS ngày 15/5/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Đình T - Sinh ngày 15/3/1991; CCCD số 038091026466 cấp ngày 12/7/2021; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã A, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình C, sinh năm 1953 và con bà Lê Thị T1 - sinh năm: 1960, vợ Nguyễn Thị N - sinh năm: 1994; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án: không; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 1001/2026/LCĐKNCT ngày 11/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người bị hại: bà Lê Thị T2 (Đã chết)

* Người đại diện cho người bị hại: Chị Lê Thị P - Sinh năm 1994 (là con đẻ của bà Lê Thị T2)

Địa chỉ: thôn X, xã T, tỉnh Thanh Hóa

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn Q - Sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa

- Công ty TNHH X – Người đại diện: Ông Đỗ Văn T3 – Sinh năm 1978

Địa chỉ: Số C T, phường H, tỉnh Thanh Hóa

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Phố T, xã T, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1993

- Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1996

Đều có địa chỉ: thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa

(Người đại diện cho người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình T (SN 1991, trú tại thôn H, xã A, tỉnh Thanh Hóa) là nhân viên của Công ty TNHH X, địa chỉ khu công nghiệp T, phường H, tỉnh Thanh Hóa (Lê Đình T và Công ty đã ký kết Hợp đồng lao động số 32/2022 ngày 01/6/2022, với công việc là lái xe và bốc dỡ hàng tạp hoá vận chuyển đến các đại lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá). Ngày 13/02/2026, Công ty G phương tiện xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 cho Lê Đình T cùng với Nguyễn Văn H (SN 1997, trú tại phố T, xã T, tỉnh Thanh Hóa) để vận chuyển giao hàng cho các đại lý trên tuyến Quốc lộ D T - Y - V. Khoảng 14 giờ cùng ngày Lê Đình T điều khiển xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 đến cửa hàng D, thuộc thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa, lúc này H xuống xe và bốc hàng để bàn giao, còn T một mình điều khiển xe đi giao hàng cho đại lý khác (ở thị trấn V cũ) theo hướng xã T đi xã Y. Khi đi đến Km 34 + 100, Quốc lộ D thuộc địa phận khu phố A, xã V, tỉnh Thanh Hóa, T điều khiển xe ô tô đi ở phần đường bên phải theo chiều đi của mình và quan sát phía trước cách khoảng 50m thấy bà Lê Thị T2 (SN 1970, trú tại thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa) đang điều khiển xe đạp đi bên phải cùng chiều. Lúc này, T nhìn gương chiếu hậu bên lái (bên trái) để quan sát phía sau nhưng không giảm tốc độ, đến khi quay lại thì thấy bà T2 đi xe đạp phía trước ở khoảng cách rất gần, cách đầu xe khoảng 2-3m, T vội đánh lái sang trái đồng thời đạp phanh để tránh nhưng không kịp, xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 do T điều khiển đã đâm trực tiếp vào đuôi xe đạp làm bà Lê Thị T2 và xe đạp ngã xuống mặt đường, bánh xe ô tô đè qua người bà T2, tiếp đến xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 do T điều khiển tiếp tục đâm vào phần đuôi của xe ô tô Ford Everest BKS 36C - 466.98 đang dừng ở lề đường bên phải (trên xe ô tô BKS 36C - 466.98 có anh Phạm Văn Q (ngồi ở ghế lái); ông Trịnh Văn R, (ngồi ở ghế phụ); anh Trịnh Văn L, chị Phạm Thị L1, cháu Trịnh Ngọc Bảo A, (mới lên ngồi ở hàng ghế sau chưa kịp đóng cửa), xe chuẩn bị di chuyển). Hậu quả: bà Lê Thị T2 tử vong tại chỗ, xe ô tô Ford Everest BKS 36C - 466.98, xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 và xe đạp của bà T2 bị hư hỏng.

- Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 15 giờ 15 phút ngày 13/02/2026 thể hiện: Hiện trường đã bị xáo trộn do người và phương tiện qua lại nhiều. Hiện trường được xác định tại Km 34 + 100, QL D thuộc khu phố A, xã V, tỉnh Thanh Hóa. Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, lòng đường rộng 11 m, mặt

đường trải nhựa bằng phẳng, hai bên đường là vỉa hè, không có biển báo cấm dừng, cấm đỗ. Tại hiện trường Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi nhận các dấu vết theo quy định.

- Cơ quan điều tra phối hợp với phòng PC09 tiến hành khám nghiệm tử thi, ghi nhận các dấu vết, tổn thương trên cơ thể bà Lê Thị T2 và trưng cầu giám định nguyên nhân chết của bà T2. Tại bản kết luận giám định số 1296/KLGĐTT-PC09 ngày 05/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

“Các vết rách da, sây sát da, bầm tụ máu tại vùng: mặt, ngực, bụng, lưng, hông, tay phải, hai chân. Tụ ngấm máu tổ chức dưới da cơ vùng ngực bụng hai bên. Gãy xương ức, gãy xương sườn hai bên tại nhiều vị trí. Rách cơ hoành. Khoang ngực và ổ bụng có khoảng 2000 ml máu không đông. Hai phổi bầm dập, tụ máu; đứt rời các thùy phổi. Rách bao màng ngoài tim; đứt rời cuống tim; cơ tim bầm dập, tụ máu. Dập, vỡ gan. Kết luận nguyên nhân chết: đa chấn thương”.

- Tại bản kết luận giám định số 1408/KL-KTHS ngày 09/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

Va chạm giữa xe ô tô BKS 36H - 061.27 với xe đạp:

Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: mặt trước ba-đờ-sóc trước cách thành xe bên phải 62 cm xe BKS 36H - 061.27 với mặt sau phần sau chấn bụn bánh sau và đĩa định vị chấn bụn xe đạp.

Tại thời điểm va chạm hai phương tiện chuyển động cùng chiều, xe ô tô BKS 36H - 061.27 ở phía sau và có vận tốc lớn hơn so với xe đạp.

Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cà (2), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, trên chiều đường bên phải hướng xã T đi xã V.

Va chạm giữa xe ô tô BKS 36H - 061.27 với xe ô tô BKS 36C - 466.98:

Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: mặt trước bên phải ba-đờ-sóc trước lên mặt trước trán xe cách thành xe bên phải 32 cm xe ô tô BKS 36H - 061.27 với mặt sau ngoài bên trái đuôi xe cách thành xe bên trái 44 cm xe ô tô BKS 36C - 466.98.

Tại thời điểm va chạm hai xe có hướng cùng chiều, xe ô tô BKS 36H - 061.27 ở phải sau bên trái và có vận tốc lớn hơn so với xe ô tô BKS 36C - 466.98.

Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm tương ứng vùng mảnh vỡ (10), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, trên chiều đường bên phải hướng xã T đi xã V.

Không đủ cơ sở kết luận va chạm giữa xe ô tô BKS 36H - 061.27 với bà Lê Thị T2.

Dấu vết tại mặt trong lớp trong hàng lớp sau bên phải tương ứng trên hàng chữ “TWI” xe ô tô BKS 36H - 061.27 tương ứng phù hợp do va chạm với chất liệu vải sợi tạo nên.

Không đủ cơ sở kết luận vận tốc của các phương tiện tại thời điểm va chạm.

- Tại Bản kết luận giám định số 1257/KL-KTHS ngày 03/3/2026 của Phòng PC09 Công an tỉnh T, kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định, trích xuất 09 ảnh từ tệp video gửi giám định.

- Cơ quan điều tra tiến hành giám định nồng độ cồn, ma túy, giám định ADN, giám định kỹ thuật số điện tử, kết quả:

Tại bản kết luận giám định số 1219/KL-KTHS ngày 27/2/2026 của Phòng PC09 Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu máu của Lê Đình T và Lê Thị T2 niêm phong gửi giám định không có Ethanol (cồn).

Tại Bản kết luận giám định số 1209/KL-KTHS ngày 27/2/2026 của Phòng PC09 Công an tỉnh T, kết luận: không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy trong mẫu máu của Lê Đình T và Lê Thị T2 gửi đến giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 1460/KL-KTHS ngày 13/3/2026 của Phòng PC09 Công an tỉnh T, kết luận: 05 (năm) tấm bông ghi thu mẫu tế bào người trên vô lăng và cần số xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 gửi giám định đều có tế bào người, do lượng tế bào ít nên không xác định được kiểu gen; 05 (năm) tấm bông ghi thu chất màu nâu đỏ nghi máu tại vị trí số (5) ở hiện trường gửi giám định đều có máu người, do chất lượng dấu vết kém nên không xác định được kiểu gen.

- Cơ quan điều tra tiến hành định giá tài sản thiệt hại đối với các phương tiện trong vụ tai nạn. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã V, kết luận:

Phân hư hỏng, thiệt hại của xe ô tô BKS 36H - 061.27 là 9.900.000 đ (*chín triệu chín trăm nghìn đồng*);

Phân hư hỏng, thiệt hại của xe ô tô BKS 36C - 466.98 là 69.784.080 đ (*sáu mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn không trăm tám mươi đồng*).

Xe đạp của bà T2 bị hư hỏng, thiệt hại 600.000 đ (*sáu trăm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan điều tra Lê Đình T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn, các kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Việc xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu bị tạm giữ.

Đối với các phương tiện gồm: xe ô tô BKS 36H - 06127; xe ô tô BKS 36C - 466.98; xe đạp và các giấy tờ kèm theo các phương tiện, sau khi xác minh nguồn gốc xác định là tài sản hợp pháp, không phải là vật chứng của vụ án khác, không tranh chấp dân sự, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, người đại diện hợp pháp theo quy định

Đối với 03 (ba) đĩa DVD- R chứa 03 tệp vi deo thu từ camera cửa hàng đồ gỗ Đ, gia đình ông Trịnh Ngọc N1; gia đình ông Bùi Văn Đ được niêm phong chuyển theo hồ sơ vụ án

* Về vấn đề dân sự:

Bị cáo Lê Đình T đã hỗ trợ, bồi thường cho gia đình nạn nhân Lê Thị T2 tổng số tiền 230.000.000 đ (*hai trăm ba mươi triệu đồng*), đại diện gia đình đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường thêm.

Lê Đình T đã bồi thường thiệt hại hư hỏng chiếc xe ô tô BKS 36C - 46698 cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn Q số tiền 70.000.000 đ (*bảy mươi triệu đồng*), anh Q đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường thêm.

Đối với thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 36H - 061.27, chủ sở hữu là Công ty TNHH X không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 67/CT- VKSKV7 ngày 07/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lê Đình T về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*". Xử phạt: Lê Đình T từ 18 tháng đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Đình T.

- Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc bị cáo Lê Đình T đã chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình người bị hại bà Lê Thị T2 tổng số tiền 230.000.000 đ (*hai trăm ba mươi triệu đồng*). Đại diện gia đình người bị hại đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

Lê Đình T đã bồi thường thiệt hại hư hỏng chiếc xe ô tô BKS 36C - 46698 cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn Q số tiền 70.000.000 đ (*bảy mươi triệu đồng*), anh Q đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường thêm.

Đối với thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 36H - 061.27, chủ sở hữu là Công ty TNHH X không yêu cầu bồi thường.

Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này. Bị cáo, người đại diện cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường và xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự và các yêu cầu khác nên đề nghị HĐXX không xét.

- Về vật chứng của vụ án: Đối với các phương tiện gồm: xe ô tô BKS 36H - 06127; xe ô tô BKS 36C - 466.98; xe đạp và các giấy tờ kèm theo các phương tiện, sau khi xác minh nguồn gốc xác định là tài sản hợp pháp, không phải là vật chứng của vụ án khác, không tranh chấp dân sự, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, người đại diện hợp pháp theo quy định nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với 03 (ba) đĩa DVD- R chứa 03 tệp vi deo thu từ camera cửa hàng đồ gỗ Đ, gia đình ông Trịnh Ngọc N1; gia đình ông Bùi Văn Đ được niêm phong chuyển theo hồ sơ vụ án

- Về án phí: Bị cáo Lê Đình T phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định Tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo: Khoảng 14 giờ ngày 13/02/2026, Lê Đình T điều khiển phương tiện xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 đi trên Quốc lộ D, thuộc địa phận khu phố A, xã V, tỉnh Thanh Hóa để giao hàng, đi ở phần đường bên phải theo chiều xã T - xã V, đã quan sát thấy phía trước có xe đạp đi cùng chiều cách khoảng 50 m, T nhìn gương chiếu hậu bên trái để quan sát phía sau nhưng chủ quan, không giảm tốc độ, đến khi quay lại thì xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 với xe đạp do bà Lê Thị T2 điều khiển đã ở quá gần, không đảm bảo khoảng cách an toàn, dẫn đến T không xử lý kịp nên xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 đã đâm trực tiếp vào đuôi xe đạp làm bà Lê Thị T2 cùng xe đạp ngã xuống mặt đường, bánh xe hàng lớp bên phải của ô tô tải BKS 36H - 061.27 đã đè qua người bà T2, Sau đó xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 tiếp tục đâm vào phần đuôi của xe ô tô Ford Everest BKS 36C - 466.98 đang dừng ở lề đường bên phải trước cửa hàng đồ gỗ Đ, hậu quả: bà T2 tử vong tại chỗ (nguyên nhân chết: đa chấn thương); phương tiện xe ô tô Ford Everest BKS 36C - 466.98 bị hư hỏng, thiệt hại 69.784.080 đ (*sáu mươi chín triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn không trăm tám mươi đồng*); xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 bị hư hỏng, thiệt hại 9.900.000 đ (*chín triệu chín trăm nghìn đồng*); xe đạp của bà T2 bị hư hỏng, thiệt hại 600.000 đ (*sáu trăm nghìn đồng*). Hành vi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ như trên của Lê Đình T đã vi phạm quy tắc tham gia

giao thông đường bộ, cụ thể: vi phạm quy định về khoảng cách giữa các xe, được quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT vận tải “*Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước cùng làn hoặc cùng phần đường, cùng chiều xe của mình; ở nơi có biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn trị số ghi trên biển báo.*” và khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ “*Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phần đường*”. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn giao thông.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Sơ đồ hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông; kết luận giám định, Biên bản ghi lời khai, bản tự khai của bị cáo, người đại diện cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo Lê Đình T gây tai nạn giao thông dẫn đến tử vong cho chị Lê Thị T2 vào khoảng 14 giờ ngày 13/02/2026 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo khi tham gia giao thông đường bộ đã không chấp hành đúng quy định, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ đã không xử lý an toàn khi phát hiện phía trước có người đi xe đạp bà Lê Thị T2 điều khiển lưu thông phía trước bên phải cùng chiều, T nhìn gương chiếu hậu bên lái (bên trái) để quan sát phía sau nhưng thiếu quan sát phía trước, không giảm tốc độ, đến khi quay lại thì thấy bà T2 đi xe đạp phía trước ở khoảng cách rất gần, cách đầu xe khoảng 2-3m, T không giảm tốc độ hoặc dừng lại mà vội đánh lái sang trái đồng thời đạp phanh để tránh nhưng không kịp, xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 do T điều khiển đã đâm trực tiếp vào đuôi xe đạp làm bà Lê Thị T2 và xe đạp ngã xuống mặt đường, bánh xe ô tô đè qua người bà T2, tiếp đến xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 do T điều khiển tiếp tục đâm vào phần đuôi của xe ô tô Ford Everest BKS 36C - 466.98 đang dừng ở lề đường bên phải (trên xe ô tô BKS 36C - 466.98 do anh Phạm Văn Q (ngồi ở ghế lái); ông Trịnh Văn R, (ngồi ở ghế phụ); anh Trịnh Văn L, chị Phạm Thị L1, cháu Trịnh Ngọc Bảo A, (mới lên ngồi ở hàng ghế sau chưa kịp đóng cửa), xe chuẩn bị di chuyển). Hậu quả: bà Lê Thị T2 tử vong tại chỗ, xe ô tô Ford Everest BKS 36C - 466.98, xe ô tô tải BKS 36H - 061.27 và xe đạp của bà T2 bị hư hỏng, lỗi thuộc về bị cáo.

Để đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm nói chung và lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ nói riêng, cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo để xử phạt và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo

pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, cần lên cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cũng như có đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã chủ động, tự nguyện, tích cực bồi thường, khắc phục thiệt hại cho gia đình người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình điều tra người đại diện cho người bị hại đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có đơn xin miễn, giảm trách nhiệm hình sự và trình bày hoàn cảnh, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Có bố vợ là là thương binh hạng hai. Bởi vậy, có đủ cơ sở để áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS để làm tình tiết giảm nhẹ đáng kể cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp và căn cứ vào tính chất, hành vi, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Đình T đã bồi thường hỗ trợ gia đình bà Lê thị T2 số tiền 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*), Bồi thường sửa xe cho ông Phạm Văn Q 70.000.000đ. Người đại diện của người bị hại và người liên quan đã nhận đầy đủ tiền bồi thường và không yêu cầu phải tiếp tục bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Công ty TNHH X không yêu cầu bị cáo bồi thường. Các bên bị cáo, người đại diện của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phần trách nhiệm dân sự và không có ý kiến gì khác. Đây là thỏa thuận hợp pháp và tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về phần hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo làm nghề lái xe ô tô thuê để kiếm sống, nuôi gia đình, bị cáo có bố mẹ già ốm đau bệnh tật, bị cáo được UBND xã A, tỉnh Thanh Hoá xác nhận về điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Đình T là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với xe ô tô biển kiểm soát 36H-061.27, xe ô tô biển kiểm soát 36C-466.98, xe đạp cùng các giấy tờ liên quan, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 03 đĩa DVD-R chứa dữ liệu camera giám sát liên quan vụ tai nạn được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[10] Vấn đề khác: Đối với Công ty TNHH X là chủ sở hữu xe ô tô tải biển kiểm soát 36H-061.27, quá trình điều tra xác định công ty có đầy đủ giấy tờ xe, kiểm định, bảo hiểm còn thời hạn; bị cáo Lê Đình T có giấy phép lái xe phù hợp và được ký kết hợp đồng lao động theo quy định, nên việc công ty giao xe cho bị cáo điều khiển là đúng quy định pháp luật. Vì vậy không có căn cứ xem xét trách nhiệm đối với công ty.

Đối với anh Phạm Văn Q là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 36C-466.98, quá trình điều tra xác định anh Q dừng xe sát lề đường bên phải, nơi dừng xe không có biển cấm dừng, cấm đỗ; có đầy đủ giấy phép lái xe và giấy tờ liên quan nên không có vi phạm.

[11] Về án phí: Bị cáo Lê Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Đình T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ G1.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Đình T 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/5/2026).

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Lê Đình T cho UBND xã A, tỉnh Thanh Hoá giáo dục; Công an xã A, tỉnh Thanh Hoá giám sát, quản lý lập hồ sơ, báo cáo cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh khi phát hiện người thi hành án hình sự tại cộng đồng có vi phạm pháp luật trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 260 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 để phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Đình T.

- Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện cho người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- THA DS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người đại diện của bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Sơn

